



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn  
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận** 4103005552 ngày 15 tháng 11 năm 2006  
**Đăng ký Kinh doanh số** 4103005552 ngày 14 tháng 12 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

<b>Giấy phép Kinh doanh Chứng khoán số</b>	23/UBCK-GPHĐKĐ	ngày 1 tháng 12 năm 2006
	869/QĐ-UBCK	ngày 29 tháng 12 năm 2006
	376/QĐ-UBCK	ngày 22 tháng 6 năm 2007
	491/QĐ-UBCK	ngày 30 tháng 8 năm 2007
	86/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 2 tháng 11 năm 2007
	730/QĐ-UBCK	ngày 10 tháng 11 năm 2007
	653/QĐ-UBCK	ngày 26 tháng 11 năm 2007
	190/QĐ-UBCK	ngày 17 tháng 3 năm 2008
	515/QĐ-UBCK	ngày 6 tháng 8 năm 2008
	153/UBCK-GP	ngày 5 tháng 9 năm 2008
	185/UBCK-GP	ngày 23 tháng 1 năm 2009
	99/QĐ-UBCK	ngày 27 tháng 2 năm 2009
	100/QĐ-UBCK	ngày 27 tháng 2 năm 2009
	101/QĐ-UBCK	ngày 27 tháng 2 năm 2009
	103/QĐ-UBCK	ngày 27 tháng 2 năm 2009
	183/QĐ-UBCK	ngày 20 tháng 3 năm 2009
	199/QĐ-UBCK	ngày 30 tháng 3 năm 2009
	234/UBCK-GP	ngày 28 tháng 4 năm 2009
	805/QĐ-UBCK	ngày 25 tháng 11 năm 2009
	293/UBCK-GP	ngày 12 tháng 1 năm 2010
124/QĐ-UBCK	ngày 11 tháng 2 năm 2010	
269/QĐ-UBCK	ngày 22 tháng 4 năm 2010	
20/UBCK-GP	ngày 25 tháng 3 năm 2011	
361/QĐ-UBCK	ngày 11 tháng 5 năm 2011	
365/QĐ-UBCK	ngày 13 tháng 5 năm 2011	
544/QĐ-UBCK	ngày 25 tháng 7 năm 2011	
842/QĐ-UBCK	ngày 14 tháng 11 năm 2011	
917/QĐ-UBCK	ngày 1 tháng 12 năm 2011	

Giấy phép Kinh doanh Chứng khoán đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Ting Kwang - Chin Albert	Chủ tịch
	Ông Chiu Hsien - Chih	Phó Chủ tịch
	Bà Nguyễn Hồng Mai	Thành viên
	Ông Chang Hsiao - Wei Harvey	Thành viên
	Ông Ho Feng Tao	Thành viên (từ ngày 27 tháng 3 năm 2012)
	Ông Yang Bo - Ming	Thành viên (đến ngày 27 tháng 3 năm 2012)

**Quyền Tổng Giám đốc** Ông Ho Feng Tao

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

**Trụ sở đăng ký**

**Trụ sở chính** Lầu 5, Tòa nhà Lawrence S.Ting  
801 Nguyễn Văn Linh  
Phường Tân Phú, Quận 7  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Quận 3** Tầng 1, Tòa nhà Chip Sáng  
253 Điện Biên Phủ  
Phường 7, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Tân Bình** Tầng trệt, Toà nhà E-Town 2  
364 Cộng Hòa  
Phường 13, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội** 3B Đặng Thái Thân  
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm  
Thành phố Hà Nội  
Việt Nam

**Chi nhánh Hải Phòng** Tầng 2, Tòa nhà Eliteco  
18 Trần Hưng Đạo  
Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng  
Thành phố Hải Phòng  
Việt Nam

**Chi nhánh Cần Thơ** Tầng 1, Khu A, 2A Nguyễn Trãi  
Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều  
Thành phố Cần Thơ  
Việt Nam

**Chi nhánh Đà Nẵng** Tầng trệt, Tòa nhà Savico  
66 Võ Văn Tần  
Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê  
Thành phố Đà Nẵng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**KPMG Limited**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

### Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo (“báo cáo tài chính giữa niên độ”) được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 8 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo Tài chính giữa niên độ, Hệ thống Kế toán Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 12-01-319/1



Chang Hưng Chu

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Lâm Thị Ngọc Hào

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0866/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 8 năm 2012

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012**

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>329.577.305.662</b>	<b>562.029.230.843</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>181.239.890.473</b>	<b>348.073.219.648</b>
Tiền	111		35.330.628.386	33.367.072.843
Các khoản tương đương tiền	112		145.909.262.087	314.706.146.805
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>15.641.028.621</b>	<b>13.633.458.905</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		23.096.006.105	23.630.957.186
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7.454.977.484)	(9.997.498.281)
<b>III. Các khoản phải thu - ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>130.781.203.879</b>	<b>198.698.183.989</b>
Phải thu khách hàng	131		43.052.536	4.207.200
Trả trước cho người bán	132		4.216.312.474	72.437.066
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6	151.385.842.530	191.391.361.794
Các khoản phải thu khác	138	7	6.957.852.468	21.832.542.754
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(31.821.856.129)	(14.602.364.825)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.915.182.689</b>	<b>1.624.368.301</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.774.988.100	1.513.744.512
Tài sản ngắn hạn khác	158		140.194.589	110.623.789
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>51.836.586.312</b>	<b>55.642.489.856</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>38.251.314.986</b>	<b>43.349.880.106</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	21.988.103.409	25.899.655.859
<i>Nguyên giá</i>	222		45.928.567.278	45.709.527.938
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(23.940.463.869)	(19.809.872.079)
Tài sản cố định vô hình	227	10	15.254.683.577	16.441.696.247
<i>Nguyên giá</i>	228		23.206.213.361	22.274.930.377
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.951.529.784)	(5.833.234.130)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.008.528.000	1.008.528.000
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>4.585.660.000</b>	<b>4.585.660.000</b>
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		13.900.000.000	13.900.000.000
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254		13.900.000.000	13.900.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(9.314.340.000)	(9.314.340.000)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.999.611.326</b>	<b>7.706.949.750</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	412.791.764	503.895.162
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	263	13	3.603.494.659	3.287.938.132
Tài sản dài hạn khác	268	14	4.983.324.903	3.915.116.456
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>381.413.891.974</b>	<b>617.671.720.699</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>176.842.465.610</b>	<b>362.521.241.709</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>176.238.128.110</b>	<b>361.656.104.209</b>
Vay ngắn hạn	311	15	91.800.000.000	253.300.000.000
Phải trả người bán	312		105.092.921	115.175.886
Người mua trả tiền trước	313		98.500.000	53.500.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	463.837.452	633.645.079
Chi phí phải trả	316	17	3.749.980.856	8.992.611.939
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	18	79.313.213.012	95.105.287.929
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		52.223.573	1.956.055
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	19	655.280.296	3.453.927.321
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>604.337.500</b>	<b>865.137.500</b>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		604.337.500	865.137.500
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>204.571.426.364</b>	<b>255.150.478.990</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>204.571.426.364</b>	<b>255.150.478.990</b>
Vốn cổ phần	411	20	300.000.000.000	300.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	417	21	2.033.547.307	2.033.547.307
Lỗi lũy kế	420		(97.462.120.943)	(46.883.068.317)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>381.413.891.974</b>	<b>617.671.720.699</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

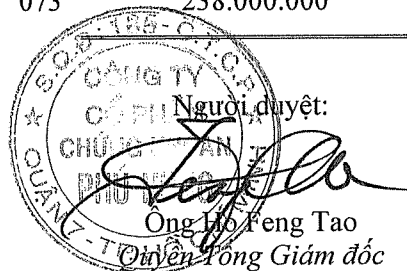
**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

	Mã số	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán</b>			
6. Chứng khoán lưu ký	006	1.244.798.160.000	1.120.301.990.000
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	1.048.681.940.000	956.198.570.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	6.056.680.000	6.106.880.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	994.422.730.000	894.635.110.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	48.202.530.000	55.456.580.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	8.260.140.000	7.358.640.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	8.260.140.000	7.358.640.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	33.324.420.000	52.100.200.000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	10.400.000	-
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	32.966.550.000	51.093.300.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	347.470.000	1.006.900.000
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	154.531.660.000	104.644.580.000
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	154.531.660.000	104.644.580.000
7. Chứng khoán lưu ký của các công ty đại chúng chưa niêm yết	050	12.822.230.000	11.869.960.000
Trong đó:			
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	12.584.230.000	11.706.960.000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	2.830.000	2.830.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	12.452.900.000	11.629.130.000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	128.500.000	75.000.000
7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	071	238.000.000	163.000.000
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	238.000.000	163.000.000

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Hồ Feng Tao  
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012**

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>35.828.700.635</b>	<b>53.986.839.853</b>
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		9.186.895.770	6.225.360.797
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	01.2		760.355.381	3.042.574.153
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		78.969.634	76.277.916
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		9.000.000	-
Doanh thu khác	01.9	22	25.793.479.850	44.642.626.987
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>10</b>		<b>35.828.700.635</b>	<b>53.986.839.853</b>
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>23</b>	<b>(37.923.169.880)</b>	<b>(47.126.788.320)</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(2.094.469.245)</b>	<b>6.860.051.533</b>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	(50.112.452.339)	(18.952.626.146)
<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(52.206.921.584)</b>	<b>(12.092.574.613)</b>
Thu nhập khác	31		1.627.868.958	807.417.413
Chi phí khác	32		-	(96.477.793)
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.627.868.958</b>	<b>710.939.620</b>
<b>Lỗ trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(50.579.052.626)</b>	<b>(11.381.634.993)</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>25</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>25</b>	<b>-</b>	<b>(750.000.000)</b>
<b>Lỗ sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>(50.579.052.626)</b>	<b>(12.131.634.993)</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>26</b>		
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu			(1.686)	(404)

Người lập:

*huu*

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

*[Signature]*  
 Ông Hồ Feng Tao  
 Quyền Trưởng Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	300.000.000.000	2.033.547.307	(46.883.068.317)	255.150.478.990
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(50.579.052.626)	(50.579.052.626)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>2.033.547.307</b>	<b>(97.462.120.943)</b>	<b>204.571.426.364</b>
	Vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần VND	Lợi nhuận chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	300.000.000.000	2.033.547.307	506.418.332	302.539.965.639
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(12.131.634.993)	(12.131.634.993)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2011</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>2.033.547.307</b>	<b>(11.625.216.661)</b>	<b>290.408.330.646</b>

Người lập:

*Thùy*

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Hồ Feng Tao  
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012**

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng	Giai đoạn sáu tháng
		từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lỗ trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(50.579.052.626)</b>	<b>(11.381.634.993)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	6.248.887.444	5.229.265.637
Các khoản dự phòng	03	14.676.970.507	10.259.449.127
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05	(421.706.440)	(3.042.574.153)
Thu nhập tiền lãi	05	(22.487.185.316)	(44.642.626.987)
Chi phí lãi vay	06	11.700.247.621	12.679.042.279
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(40.861.838.810)</b>	<b>(30.899.079.090)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	45.299.884.056	220.283.314.186
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	(19.554.474.148)	(17.857.547.215)
Biến động các khoản trả trước và ký quỹ	12	(1.553.905.164)	(841.431.870)
		<b>(16.670.334.066)</b>	<b>170.685.256.011</b>
Tiền lãi vay đã trả	13	(16.324.549.572)	(12.697.616.325)
<b>Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(32.994.883.638)</b>	<b>157.987.639.686</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(1.150.322.324)	(1.272.568.385)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư	24	534.951.081	3.412.175.000
Tiền chi mua các khoản đầu tư	25	-	(562.818.945)
Tiền lãi nhận được	27	27.855.219.266	41.409.885.163
Tiền cổ tức nhận được	27	421.706.440	745.547.148
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động đầu tư</b>	<b>50</b>	<b>27.661.554.463</b>	<b>43.732.219.981</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

Mã số	Giai đoạn sáu tháng	Giai đoạn sáu tháng
	từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

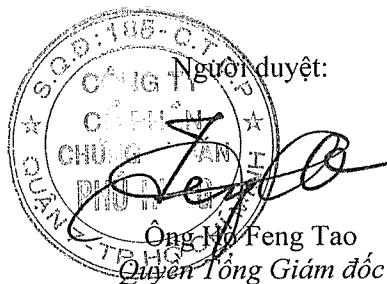
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	812.100.000.000	632.230.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(973.600.000.000)	(657.630.000.000)
<b>Tiền thuần chi cho hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>	<b>(161.500.000.000)</b>	<b>(25.400.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>60</b>	<b>(166.833.329.175)</b>	<b>176.319.859.667</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>61</b>	<b>348.073.219.648</b>	<b>172.152.325.449</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (Thuyết minh 3)</b>	<b>70</b>	<b>181.239.890.473</b>	<b>348.472.185.116</b>

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy  
*Kế toán trưởng*

Người duyệt:



Ông Hồ Feng Tao  
*Quyền Tổng Giám đốc*

Ngày 8 tháng 8 năm 2012

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có 302 nhân viên (31/12/2011: 354 nhân viên).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 9 tháng 6 năm 2010.

**2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

**(i) Cơ sở kế toán chung**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng đối với báo cáo tài chính giữa niên độ này giống như các chính sách kế toán được áp dụng đối với báo cáo tài chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**(ii) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ thuần sau thuế cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Công ty là 50.579.052.626 VND (Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011: Lỗ thuần sau thuế là 12.131.634.993 VND). Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh số 15). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này cơ bản tùy thuộc vào việc các cổ đông tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Công ty có thể duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 7 năm 2012 đã thông qua việc lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản về phương án tăng vốn cổ phần của Công ty thêm 55.000.000.000 VND. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng các cổ đông sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

**(b) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012.

**(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“CMKT 10”) - *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

**(d) Trình bày các công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về việc trình bày và thuyết minh thông tin về các công cụ tài chính (“Thông tư 210”)**

Công ty phân loại công cụ tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu là tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu phù hợp với bản chất và định nghĩa của các công cụ tài chính tại Thông tư 210 như sau:

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**(i) Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại thành một trong các loại sau:

***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm tài sản được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

***Các khoản cho vay và phải thu***

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính Công ty dự định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại vào nhóm tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

***Tài sản sẵn sàng để bán***

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các khoản cho vay và phải thu;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm:

**Tiền mặt**

**Các khoản cho vay và phải thu**

- Tiền và các khoản trong đương tiền;
- Phải thu khách hàng;
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán;
- Các khoản phải thu khác;
- Các tài sản tài chính ngắn hạn khác;
- Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán; và
- Các tài sản tài chính dài hạn khác.

**Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

- Đầu tư ngắn hạn

**Tài sản sẵn sàng để bán**

- Chứng khoán đầu tư dài hạn

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính được phân loại thành một trong các loại sau:

***Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

***Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ***

Nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm:

***Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ***

- Vay ngắn hạn;
- Phải trả người bán
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán;
- Các khoản nợ phải trả tài chính ngắn hạn khác; và
- Dự phòng trợ cấp thôi việc.

**(e) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**(f) Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn**

**(i) Phân loại**

Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán thương mại.

Chứng khoán đầu tư dài hạn là những chứng khoán vốn chưa niêm yết được nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào (chứng khoán sẵn sàng để bán).

**(ii) Ghi nhận**

Công ty ghi nhận các chứng khoán thương mại và các chứng khoán đầu tư dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản của hợp đồng đầu tư (kể toán theo ngày giao dịch).

**(iii) Đo lường**

Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung (“thị trường OTC”) được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn chưa niêm yết nhưng không được tự do mua bán trên thị trường OTC, được phản ánh theo nguyên giá, trừ đi dự phòng giảm giá dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc. Ban Giám đốc xác định giá trị của khoản dự phòng giảm giá sau khi xem xét nguyên giá, điều kiện của thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai và dòng tiền dự kiến.

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**(iv) Chấm dứt ghi nhận**

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các khoản đầu tư đã chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**(g) Các khoản phải thu**

Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ tài chính ban hành như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- chi phí nâng cấp văn phòng 5 - 7 năm
- thiết bị văn phòng 5 - 7 năm
- đồ đạc và trang thiết bị văn phòng 3 - 5 năm

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**(i) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 7 năm.

**(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và phần mềm vi tính chưa được hoàn thành hay chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ và dụng cụ, chi phí thiết kế website, chi phí bảo trì và phát triển phần mềm. Các chi phí này được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(l) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

**(p) Quỹ dự trữ pháp định**

Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ này là dùng để bổ sung vốn cổ phần.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và dùng để bù đắp cho khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

**(q) Doanh thu**

***(i) Doanh thu môi giới chứng khoán***

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

***(ii) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán***

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với các chứng khoán đã niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

***(iii) Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán***

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ hoàn thành các giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên công việc đã thực hiện.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**(iv) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn**

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại ngân hàng, các khoản tạm ứng cho khách hàng để kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

**(v) Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức của Công ty được thiết lập.

**(r) Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

**(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(t) Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Bảo hiểm thất nghiệp được ghi nhận như một phần lương và các chi phí có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**(u) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền chịu ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

**(v) Báo cáo bộ phận**

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và kinh doanh nguồn vốn. Báo cáo bộ phận của Công ty được dựa trên những lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty bao gồm hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và kinh doanh nguồn vốn. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì mọi hoạt động của Công ty được thực hiện tại Việt Nam.

**(w) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

**(x) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài Chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được trình bày ở các thuyết minh liên quan của báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**(y) Số dư bằng không**

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài Chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt tại quỹ	15.087.400	90.715.432
Tiền gửi ngân hàng	35.315.540.986	33.276.357.411
Các khoản tương đương tiền	145.909.262.087	314.706.146.805
<i>Trong đó: Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư</i>	<i>35.762.469.224</i>	<i>37.497.569.864</i>
	<b>181.239.890.473</b>	<b>348.073.219.648</b>
	<b>181.239.890.473</b>	<b>348.073.219.648</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không có tiền và các khoản tương đương tiền khác VND.

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 có 107.111 triệu VND (31/12/2011: 211.410 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15).

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ**

	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ từ 1/1/2012 đến 30/6/2012</b>	<b>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ từ 1/1/2011 đến 30/6/2011</b>	<b>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND</b>	<b>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND</b>
<b>a) Cửa Công ty</b>				
Cổ phiếu	29.294	137.600	345.433.800	3.974.993.945
<b>b) Cửa nhà đầu tư/khách hàng</b>				
Cổ phiếu	366.404.820	159.510.060	4.060.394.311.300	2.509.368.513.055
Trái phiếu	-	12.000	-	1.200.000.000
Chứng khoán khác	383.260	203.630	2.551.594.000	1.125.766.000
	<b>366.817.374</b>	<b>159.863.290</b>	<b>4.063.291.339.100</b>	<b>2.515.669.273.000</b>



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**5. Các khoản đầu tư**

Chi tiết của các khoản đầu tư do Công ty nắm giữ tại ngày 1 tháng 1 năm 2012 và ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá gốc		Tăng		So với giá trị trường (Giảm)		Giá trị thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	Cổ phiếu/ Trái phiếu		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	654.141	681.578	23.096.006.105	23.630.957.186	353.015.377	327.992.593	(7.454.977.484)	(9.997.498.281)	15.994.043.998	13.961.451.498
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>	584.932	612.369	16.754.434.105	17.289.385.186	353.015.377	327.992.593	(7.454.977.484)	(9.997.498.281)	9.652.471.998	7.619.879.498
ACB	34.878	34.878	932.892.866	932.892.866	-	-	(36.528.266)	(179.528.066)	896.364.600	753.364.800
BCC	22.550	22.550	261.377.371	261.377.371	-	-	(139.607.371)	(191.472.371)	121.770.000	69.905.000
BVS	7.980	7.980	224.527.600	224.527.600	-	-	(124.777.600)	(153.505.600)	99.750.000	71.022.000
GMD	17.738	17.938	698.962.824	704.945.156	-	-	(269.703.224)	(383.854.956)	429.259.600	321.090.200
PVL	10.000	10.000	245.500.000	245.500.000	-	-	(189.500.000)	(216.500.000)	56.000.000	29.000.000
PVS	10.765	10.765	251.918.980	251.918.980	-	-	(86.137.981)	(88.290.980)	165.780.999	163.628.000
PVX	38.435	36.605	812.507.886	812.507.886	-	-	(443.531.886)	(567.254.386)	368.976.000	245.253.500
REE	26.194	26.194	495.636.799	434.636.799	-	-	(81.771.599)	(138.644.599)	413.865.200	295.992.200
SJS	3.005	3.035	233.971.929	235.603.500	-	-	(126.092.429)	(166.405.500)	107.879.500	69.198.000
SSI	120.000	120.000	3.695.142.857	3.695.142.857	-	-	(1.199.142.857)	(2.051.142.857)	2.496.000.000	1.644.000.000
TDH	82.103	82.103	3.183.367.759	3.183.367.759	-	-	(1.968.243.359)	(2.247.393.559)	1.215.124.400	935.974.200
VCG	162.315	162.315	4.417.976.965	4.417.976.965	-	-	(2.551.354.465)	(2.973.373.465)	1.866.622.500	1.444.603.500
VNM	10.500	10.500	610.000.000	610.000.000	314.000.000	298.250.000	-	-	924.000.000	908.250.000
Các cổ phiếu khác	38.469	67.506	690.650.269	1.278.987.447	39.015.377	29.742.593	(238.586.447)	(640.131.942)	491.079.199	668.598.098
<b>Trái phiếu</b>	69.209	69.209	6.341.572.000	6.341.572.000	-	-	-	-	6.341.572.000	6.341.572.000
CP4A2103	68.000	68.000	6.218.872.000	6.218.872.000	-	-	-	-	6.218.872.000	6.218.872.000
TP UNI	1.207	1.207	120.700.000	120.700.000	-	-	-	-	120.700.000	120.700.000
TP TDH	2	2	2.000.000	2.000.000	-	-	-	-	2.000.000	2.000.000

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá gốc		Tăng		So với giá thị trường (Giảm)		Giá trị thị trường	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ
	Cổ phiếu/ Trái phiếu		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>II. Chứng khoán đầu tư</b>	458.566	458.566	13.900.000.000	13.900.000.000	-	-	(9.314.340.000)	(9.314.340.000)	4.585.660.000	4.585.660.000
<b>Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>	458.566	458.566	13.900.000.000	13.900.000.000	-	-	(9.314.340.000)	(9.314.340.000)	4.585.660.000	4.585.660.000
Cổ phiếu của Ngân hàng An Bình	458.566	458.566	13.900.000.000	13.900.000.000	-	-	(9.314.340.000)	(9.314.340.000)	4.585.660.000	4.585.660.000

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại trong kỳ/năm như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND</b>	<b>Năm kết thúc 31/12/2011 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	9.997.498.281	1.322.447.259
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	-	8.675.051.022
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	(2.542.520.797)	-
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>7.454.977.484</b>	<b>9.997.498.281</b>

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn trong kỳ/năm như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND</b>	<b>Năm kết thúc 31/12/2011 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	9.314.340.000	7.500.000.000
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	-	1.814.340.000
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>9.314.340.000</b>	<b>9.314.340.000</b>

**6. Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán**

	<b>30/6/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Phải thu từ các Sở Giao dịch Chứng khoán	3.827.344.416	36.353.512.416
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán (i)	88.962.376.853	87.134.742.139
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ (ii)	58.331.525.301	67.586.193.471
Phải thu khác	264.595.960	316.913.768
<b>Tổng cộng</b>	<b>151.385.842.530</b>	<b>191.391.361.794</b>

- (i) Các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán được hưởng lãi suất ngày là 0,06% và có thời hạn gốc từ 1 ngày đến 90 ngày.
- (ii) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ. Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc 90 ngày và hưởng lãi suất ngày là 0,06% trong kỳ. Tỷ lệ ký quỹ ban đầu và tỷ lệ ký quỹ duy trì cho các giao dịch ký quỹ lần lượt là 60% và 40%.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**7. Các khoản phải thu khác**

	<b>30/6/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi phải thu	3.049.280.038	18.837.899.685
Phải thu từ nhân viên	3.887.892.431	2.963.193.069
Phải thu khác	20.679.999	31.450.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>6.957.852.468</b>	<b>21.832.542.754</b>
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**8. Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ/năm như sau:

	<b>Giai đoạn sáu</b>	<b>Năm kết thúc</b>
	<b>tháng từ 1/1/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>đến 30/6/2012</b>	<b>VND</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	14.602.364.825	3.000.000.000
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	17.219.491.304	12.358.123.629
Sử dụng dự phòng trong kỳ/năm	-	(755.758.804)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	<b>31.821.856.129</b>	<b>14.602.364.825</b>
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Chi phí nâng cấp văn phòng VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Đồ đạc và trang thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	11.875.447.475	33.349.093.155	484.987.308	45.709.527.938
Tăng trong kỳ	-	219.039.340	-	219.039.340
Số dư cuối kỳ	11.875.447.475	33.568.132.495	484.987.308	45.928.567.278
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	4.995.439.922	14.342.294.166	472.137.991	19.809.872.079
Khấu hao trong kỳ	1.018.134.892	3.103.127.234	9.329.664	4.130.591.790
Số dư cuối kỳ	6.013.574.814	17.445.421.400	481.467.655	23.940.463.869
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	6.880.007.553	19.006.798.989	12.849.317	25.899.655.859
Số dư cuối kỳ	5.861.872.661	16.122.711.095	3.519.653	21.988.103.409

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 1.511.134.674 VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (31/12/2011: 1.015.874.065 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	22.274.930.377
Tăng trong kỳ	931.282.984
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	23.206.213.361
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	5.833.234.130
Phân bổ trong kỳ	2.118.295.654
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	7.951.529.784
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	16.441.696.247
Số dư cuối kỳ	15.254.683.577
	<hr/> <hr/>

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 372.382.660 VND đã được phân bổ hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (31/12/2011: 372.382.660 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND</b>	<b>Năm kết thúc 31/12/2011 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	1.008.528.000	2.398.837.500
Tăng trong kỳ/năm	-	5.341.460.500
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(6.431.770.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(300.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	1.008.528.000	1.008.528.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND</b>	<b>Năm kết thúc 31/12/2011 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	503.895.162	265.638.080
Tăng trong kỳ/năm	18.442.000	258.816.987
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	300.000.000
Phân bổ trong kỳ/năm	(109.545.398)	(320.559.905)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	412.791.764	503.895.162

**13. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán**

	<b>30/6/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	3.603.494.659	3.287.938.132

Theo các Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 22 tháng 4 năm 2010 và Quyết định số 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong kỳ/năm như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND</b>	<b>Năm kết thúc 31/12/2011 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	3.287.938.132	1.905.935.767
Tiền nộp bổ sung trong kỳ/năm	183.095.017	1.382.002.365
Tiền lãi trong kỳ/năm	132.461.510	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	3.603.494.659	3.287.938.132

**14. Tài sản dài hạn khác**

	<b>30/6/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Tiền ký quỹ thuê văn phòng, nhà ở và căn hộ	4.983.324.903	3.915.116.456

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**15. Vay ngắn hạn**

	Lãi suất (năm)	Số dư đầu kỳ 1/1/2012 VND	Số vay trong kỳ VND	Số trả trong kỳ VND	Số dư cuối kỳ 30/6/2012 VND
<b>Các khoản vay ngắn hạn từ</b>					
BIDV - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	(i) 12,50%	23.200.000.000	236.050.000.000	(257.350.000.000)	1.900.000.000
Ngân hàng Indovina Bank	12%	37.700.000.000	142.450.000.000	(159.650.000.000)	20.500.000.000
Ngân hàng Taipei Fubon Bank - Chi nhánh phụ TP.HCM	(i) 9,55%	14.400.000.000	30.000.000.000	(29.400.000.000)	15.000.000.000
Ngân hàng Taipei Fubon Bank - Chi nhánh Bình Thạnh	(i) 8,45% - 12%	19.800.000.000	29.100.000.000	(34.800.000.000)	14.100.000.000
Ngân hàng Hua Nan Bank - Chi nhánh TP.HCM	14,15% - 18%	10.000.000.000	10.000.000.000	(20.000.000.000)	-
Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh TP.HCM	10% - 12%	18.300.000.000	257.300.000.000	(266.200.000.000)	9.400.000.000
Ngân hàng Bangkok Bank - Chi nhánh TP.HCM	(i) 10%	20.000.000.000	59.000.000.000	(59.000.000.000)	20.000.000.000
Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh TP.HCM	(i) 18%	19.900.000.000	17.300.000.000	(37.200.000.000)	-
Ngân hàng Shanghai Bank - Chi nhánh Đồng Nai	13,50%	20.000.000.000	30.900.000.000	(40.000.000.000)	10.900.000.000
Ngân hàng Mega International Commercial Bank - Chi nhánh TP.HCM	13,50%	20.000.000.000	-	(20.000.000.000)	-
		203.300.000.000	812.100.000.000	(923.600.000.000)	91.800.000.000
<b>Trái phiếu phát hành ngắn hạn</b>					
	(ii) 15%	50.000.000.000	-	(50.000.000.000)	-
		253.300.000.000	812.100.000.000	(973.600.000.000)	91.800.000.000

- (i) Các khoản vay từ các ngân hàng này được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ là 107.111 triệu VND (31/12/2011: 211.410 triệu VND) (Thuyết minh 3).
- (ii) Các trái phiếu này có thời hạn một năm (ngày đáo hạn là ngày 26 tháng 1 năm 2012) và chịu lãi suất năm là 15%.



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/6/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập cá nhân	460.882.028	633.645.079
Thuế nhà thầu nước ngoài	2.955.424	-
	<hr/>	<hr/>
	<b>463.837.452</b>	<b>633.645.079</b>
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**17. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	1.435.361.465	2.216.360.975
Chi phí tư vấn	578.100.000	329.919.000
Chi phí giao dịch chứng khoán	223.927.065	165.178.998
Tiền hoa hồng	121.833.171	83.118.384
Chi phí lãi vay	476.897.647	5.101.199.598
Chi phí khác	913.861.508	1.096.834.984
	<hr/>	<hr/>
	<b>3.749.980.856</b>	<b>8.992.611.939</b>
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**18. Phải trả cho các hoạt động giao dịch chứng khoán**

	<b>30/6/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	25.063.048.000	52.689.613.000
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (i)	54.250.165.012	42.415.674.929
	<hr/>	<hr/>
	<b>79.313.213.012</b>	<b>95.105.287.929</b>
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

- (i) Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư phản ánh khoản tiền gửi của nhà đầu tư phục vụ cho các hoạt động kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**19. Phải trả khác**

	<b>30/6/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền lãi cho khoản tạm ứng từ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng	-	2.916.666.620
Phải trả cho nhân viên	109.246.063	107.643.788
Phải trả khác	546.034.233	429.616.913
	<hr/>	<hr/>
	655.280.296	3.453.927.321
	<hr/>	<hr/>

**20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	<b>30/6/2012</b>		<b>31/12/2011</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
<b>Cổ phiếu hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
	<hr/>			

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại. Các cổ phiếu được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”).

Trong kỳ, Công ty không có biến động vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**21. Quỹ dự trữ pháp định**

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài Chính ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán, Công ty phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	<b>Trích lập hàng năm</b>	<b>Số dư tối đa</b>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần

Công ty được yêu cầu lập dự phòng quỹ dự trữ pháp định hàng năm. Công ty không trích lập các quỹ dự trữ pháp định này vì Công ty phát sinh lỗ trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

**22. Doanh thu khác**

	<b>Giai đoạn sáu tháng</b> <b>từ 1/1/2012 đến</b> <b>30/6/2012</b> <b>VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng</b> <b>từ 1/1/2011 đến</b> <b>30/6/2011</b> <b>VND</b>
Thu nhập tiền lãi từ tiền gửi tại các ngân hàng	16.332.995.427	13.852.742.485
Thu nhập tiền lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	5.854.453.341	-
Khoản phí từ các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán	3.605.085.712	30.786.566.642
Khác	945.370	3.317.860
	<hr/>	<hr/>
	25.793.479.850	44.642.626.987
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**23. Chi phí hoạt động kinh doanh**

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí môi giới chứng khoán (Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại	1.219.257.483 (2.542.520.797)	754.266.658 6.314.958.390
Chi phí giao dịch chứng khoán	217.241.274	-
Chi phí lưu ký chứng khoán	420.448.011	281.284.192
Chi phí nhân viên trực tiếp	10.677.445.566	11.182.849.980
Chi phí hoa hồng bán chứng khoán	926.591.038	237.845.564
Chi phí công cụ và dụng cụ	182.939.290	175.878.408
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định	4.350.684.818	3.917.742.672
Chi phí thuê văn phòng	6.264.600.024	6.588.675.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.857.684.159	4.174.183.826
Chi phí lãi cho tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	612.011.499	3.821.258.678
Chi phí lãi vay từ các khoản vay ngân hàng	10.609.069.408	5.816.116.934
Chi phí lãi vay từ trái phiếu ngắn hạn	479.166.714	3.041.666.667
Chi phí khác	648.551.393	820.060.730
	37.923.169.880	47.126.788.320

**24. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí nhân viên	10.055.233.453	7.668.577.962
Chi phí thuê văn phòng	3.283.452.128	1.663.182.612
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.707.384.644	3.704.989.813
Khấu hao tài sản cố định	1.898.202.626	1.113.119.057
Thuế và lệ phí	30.666.670	13.000.000
Xóa sổ các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản phí phải thu có liên quan	14.052.455.964	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	17.219.491.304	3.944.490.737
Chi phí khác	865.565.550	845.265.965
	50.112.452.339	18.952.626.146

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**25. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	750.000.000
	-	750.000.000

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lỗ trước thuế	(50.579.052.626)	(11.381.634.993)
Thuế theo thuế suất của Công ty	(12.644.763.157)	(2.845.408.748)
Chi phí không được khấu trừ thuế	175.171.442	184.556.492
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	750.000.000
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	12.469.591.715	2.660.852.256
	-	750.000.000

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với lỗ tính thuế không được ghi nhận vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản lỗ này.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Thuế suất thuế thu nhập của Công ty là 25%. Việc tính thuế thu nhập còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**26. Lãi trên cổ phiếu**

**Lỗ cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 được dựa trên số lỗ thuộc về cổ đông phổ thông 50.579.052.626 VND (30/6/2011: lỗ 12.131.634.993 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền 30.000.000 cổ phiếu (30/6/2011: 30.000.000 cổ phiếu), được tính như sau:

**(i) Lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND</b>
Lỗ thuần trong kỳ	(50.579.052.626)	(12.131.634.993)

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	30.000.000	30.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong kỳ	30.000.000	30.000.000

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
<b>CX Technology (Vietnam) Corporation - cổ đông</b>		
Phí môi giới nhận được	-	414.720
Chi phí lãi	14.004.461	26.080.674
<b>Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng - cổ đông</b>		
Nhận tiền gửi	-	131.000.000.000
Chi phí lãi	479.166.714	3.239.246.531
Thu từ bán trái phiếu	-	52.916.666.620
Chi thanh toán trái phiếu đáo hạn	52.916.666.620	-
<b>Bà Nguyễn Hồng Mai - Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Chi phí thuê phải trả	-	102.900.000
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
Thù lao	218.745.577	377.931.000

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**28. Biến động các khoản phải thu**

Khoản mục	Tổng số VND	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ	Tổng số VND	Số cuối kỳ		Số khó đòi VND	Số dự phòng đã lập VND
		Số quá hạn VND	Số khó đòi VND			Tăng VND	Giảm VND		
1. Phải thu khách hàng	4.207.200	-	-	89.931.370	(51.086.034)	43.052.536	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	72.437.066	-	-	25.305.221.377	(21.161.345.969)	4.216.312.474	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	191.391.361.794	85.965.806.100	28.830.988.926	1.450.246.013.041	(1.490.251.532.305)	151.385.842.530	74.178.822.479	74.178.822.479	(28.052.825.308)
4. Phải thu khác	21.832.542.754	2.783.920.130	2.783.920.130	16.687.359.755	(31.562.050.041)	6.957.852.468	3.769.030.821	3.769.030.821	(3.769.030.821)
	213.300.548.814	88.749.726.230	31.614.909.056	1.492.328.525.543	(1.543.026.014.349)	162.603.060.008	77.947.853.300	77.947.853.300	(31.821.856.129)



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**29. Thuyết minh công cụ tài chính theo quy định của Thông tư 210**

**(a) Thuyết minh về tài sản đảm bảo**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, không có tài sản nào được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản nợ phải trả hoặc các khoản nợ tiềm tàng của Công ty trừ các khoản tương đương tiền được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty được trình bày trong Thuyết minh 3.

**(b) Thuyết minh về giá trị hợp lý**

Thông tư 210 yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để người sử dụng báo cáo tài chính có thể so sánh giá trị hợp lý với giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính.

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý của chứng khoán đã niêm yết dựa trên giá niêm yết trên thị trường như sau:

	30/6/2012		31/12/2011	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>				
Chứng khoán niêm yết	9.299.456.621	9.652.471.998	7.291.886.905	7.619.879.498

Ngoại trừ các khoản chứng khoán niêm yết, Công ty không xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả để thuyết minh dựa theo Điều 28 của Thông tư số 210 bởi vì (i) giá niêm yết của tài sản tài chính hay nợ tài chính phải trả không có thông tin trên thị trường; và (ii) các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết không có thông tin trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính có thể khác biệt với giá trị ghi sổ.

**(c) Thuyết minh về rủi ro**

Rủi ro luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Công ty, nhưng được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Công ty và mỗi cá nhân trong Công ty có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Công ty đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**(i) *Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính của Công ty nếu khách hàng hoặc đối tác của một công cụ tài chính không thực hiện đúng các nghĩa vụ ghi trên hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản thế chấp. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

***Tài sản đảm bảo***

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, không tính đến tài sản đảm bảo như sau:

	<b>30/6/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	181.224.803.073	347.982.504.216
Đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán nợ	6.341.572.000	6.341.572.000
Phải thu khách hàng	43.052.536	4.207.200
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	151.385.842.530	191.391.361.794
Các khoản phải thu khác	6.957.852.468	21.832.542.754
Tài sản ngắn hạn khác	140.194.589	110.623.789
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	3.603.494.659	3.287.938.132
Tài sản dài hạn khác	4.983.324.903	3.915.116.456
	<hr/>	<hr/>
	354.680.136.758	574.865.866.341
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Phân tích tình hình tài sản đảm bảo của các tài sản tài chính không quá hạn hoặc tổn thất như sau:

<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012</b>	<b>Có tài sản đảm bảo VND</b>	<b>Không có tài sản đảm bảo VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	181.224.803.073	181.224.803.073
Đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán nợ	-	6.341.572.000	6.341.572.000
Phải thu khách hàng	-	43.052.536	43.052.536
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	72.940.528.635	4.091.940.376	77.032.469.011
Các khoản phải thu khác	-	3.188.821.647	3.188.821.647
Tài sản ngắn hạn khác	-	140.194.589	140.194.589
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	3.603.494.659	3.603.494.659
Tài sản dài hạn khác	-	4.983.324.903	4.983.324.903
	72.940.528.635	203.617.203.783	276.557.732.418

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	<b>Có tài sản đảm bảo VND</b>	<b>Không có tài sản đảm bảo VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	347.982.504.216	347.982.504.216
Đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán nợ	-	6.341.572.000	6.341.572.000
Phải thu khách hàng	-	4.207.200	4.207.200
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	125.889.946.684	36.670.426.184	162.560.372.868
Các khoản phải thu khác	-	19.048.622.624	19.048.622.624
Tài sản ngắn hạn khác	-	110.623.789	110.623.789
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	3.287.938.132	3.287.938.132
Tài sản dài hạn khác	-	3.915.116.456	3.915.116.456
	125.889.946.684	417.361.010.601	543.250.957.285

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012</b>	<b>Các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán VND</b>	<b>Các khoản phải thu khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	50.754.053.427	3.769.030.821	54.523.084.248
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	23.099.644.192	-	23.099.644.192
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	499.675.900	-	499.675.900
Quá hạn từ 3 năm trở lên	-	-	-
	<b>74.353.373.519</b>	<b>3.769.030.821</b>	<b>78.122.404.340</b>

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	<b>Các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán VND</b>	<b>Các khoản phải thu khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	13.832.364.821	2.783.920.130	16.616.284.951
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	14.998.624.105	-	14.998.624.105
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	-
Quá hạn từ 3 năm trở lên	-	-	-
	<b>28.830.988.926</b>	<b>2.783.920.130</b>	<b>31.614.909.056</b>

Đối với tài sản tài chính quá hạn hoặc tổn thất, Thông tư 210 yêu cầu mô tả và ước tính giá trị hợp lý của tài sản đảm bảo do Công ty nắm giữ. Bảng sau đây trình bày giá trị hợp lý của các tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính bị quá hạn hay tổn thất.

	<b>30/6/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Tiền gửi tại Công ty	518.651.691	114.520.615
Chứng khoán niêm yết tại	42.067.702.900	22.396.427.800
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	25.354.585.600	8.449.292.200
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	16.664.502.900	13.947.135.600
▪ UPCOM	48.614.400	-
	<b>42.586.354.591</b>	<b>22.510.948.415</b>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**(ii) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn, trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn.

Thời gian đáo hạn dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5	Trên 5
				năm VND	năm VND
Vay ngắn hạn	91.800.000.000	91.800.000.000	91.800.000.000	-	-
Phải trả người bán	105.092.921	105.092.921	105.092.921	-	-
Người mua trả tiền trước	98.500.000	98.500.000	98.500.000	-	-
Chi phí phải trả	3.749.980.856	3.749.980.856	3.749.980.856	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	79.313.213.012	79.313.213.012	79.313.213.012	-	-
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	52.223.573	52.223.573	52.223.573	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	655.280.296	655.280.296	655.280.296	-	-
Nợ dài hạn	604.337.500	604.337.500	-	604.337.500	-
	176.378.628.158	176.378.628.158	175.774.290.658	604.337.500	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền không chiết khấu VND	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Vay ngắn hạn	253.300.000.000	253.300.000.000	253.300.000.000	-	-
Phải trả người bán	115.175.886	115.175.886	115.175.886	-	-
Người mua trả tiền trước	53.500.000	53.500.000	53.500.000	-	-
Chi phí phải trả	8.992.611.939	8.992.611.939	8.992.611.939	-	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	95.105.287.929	95.105.287.929	95.105.287.929	-	-
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	1.956.055	1.956.055	1.956.055	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.453.927.321	3.453.927.321	3.453.927.321	-	-
Nợ dài hạn	865.137.500	865.137.500	-	865.137.500	-
	361.887.596.630	361.887.596.630	361.022.459.130	865.137.500	-

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**(iii) Rủi ro thị trường**

***Rủi ro tiền tệ***

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011, rủi ro tiền tệ của Công ty không trọng yếu vì Công ty không có các trạng thái trọng yếu đối với các tiền tệ khác VND.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011, rủi ro lãi suất của Công ty do sự thay đổi của lãi suất thị trường không trọng yếu vì tài sản hưởng lãi và nợ phải trả chịu lãi của Công ty có thời hạn ngắn.

***Rủi ro về giá chứng khoán vốn***

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn của Công ty.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được qui định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Công ty là 9.652.471.998 VND. Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 20% tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lỗ trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng hoặc giảm tương ứng 1.930.494.400 VND.

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**30. Thông tin báo cáo bộ phận**

*Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

**Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012**

	Môi giới chứng khoán VND	Tự doanh chứng khoán VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	9.186.895.770	760.355.381	25.793.479.850	87.969.634	-	35.828.700.635
2. Chi phí trực tiếp	(24.636.891.059)	(928.349.377)	(26.387.529.087)	(1.104.538.781)	-	(53.057.308.304)
3. Chi phí khấu hao và phân bổ	(4.188.209.413)	(12.864.240)	(2.009.805.799)	(38.007.992)	-	(6.248.887.444)
4. Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-	(17.219.491.304)	-	-	(17.219.491.304)
5. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	2.542.520.797	-	-	-	2.542.520.797
6. Xóa sổ các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản phí phải thu có liên quan	-	-	(14.052.455.964)	-	-	(14.052.455.964)
7. Thu nhập khác	-	-	-	1.627.868.958	-	1.627.868.958
<b>(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(19.638.204.702)</b>	<b>2.361.662.561</b>	<b>(33.875.802.304)</b>	<b>573.291.819</b>	<b>-</b>	<b>(50.579.052.626)</b>

**Tại ngày 30/6/2012**

1. Tài sản bộ phận	5.234.919.407	20.711.404.187	263.946.398.342	-	-	289.892.721.936
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	91.521.170.038	91.521.170.038
<b>Tổng tài sản</b>	<b>5.234.919.407</b>	<b>20.711.404.187</b>	<b>263.946.398.342</b>	<b>-</b>	<b>91.521.170.038</b>	<b>381.413.891.974</b>
1. Nợ phải trả bộ phận	79.843.616.096	-	92.276.897.647	98.500.000	-	172.219.013.743
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	4.623.451.867	4.623.451.867
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>79.843.616.096</b>	<b>-</b>	<b>92.276.897.647</b>	<b>98.500.000</b>	<b>4.623.451.867</b>	<b>176.842.465.610</b>

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

	Môi giới chứng khoán VND	Tự doanh chứng khoán VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Các bộ phận khác VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
6.225.360.797	3.042.574.153	44.642.626.987	76.277.916	-	-	53.986.839.853
(23.423.580.662)	104.809.221	(26.171.433.168)	(1.395.376.794)	-	-	(50.885.581.403)
(3.334.669.596)	(4.625.500)	(1.674.059.647)	(17.506.986)	-	-	(5.030.861.729)
-	-	(3.944.490.737)	-	-	-	(3.944.490.737)
-	(6.314.958.390)	-	-	-	-	(6.314.958.390)
-	-	-	807.417.413	-	-	807.417.413
<b>(20.532.889.461)</b>	<b>(3.172.200.516)</b>	<b>12.852.643.435</b>	<b>(529.188.451)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(11.381.634.993)</b>

**Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2011**

1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh
2. Các chi phí trực tiếp
3. Chi phí khấu hao và phân bổ
4. Dự phòng nợ phải thu khó đòi
5. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư
6. Thu nhập khác

**(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế**

**Tại ngày 30/6/2011**

1. Tài sản bộ phận	2.629.833.945	22.308.761.859	426.791.941.595	-	-	451.730.537.399
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	103.103.940.348	103.103.940.348

**Tổng tài sản**

<b>2.629.833.945</b>	<b>22.308.761.859</b>	<b>426.791.941.595</b>	<b>-</b>	<b>103.103.940.348</b>	<b>554.834.477.747</b>
----------------------	-----------------------	------------------------	----------	------------------------	------------------------

1. Nợ phải trả bộ phận

117.885.230.423	-	141.705.299.490	-	-	259.590.529.913
-----------------	---	-----------------	---	---	-----------------

2. Nợ phải trả không phân bổ

-	-	-	-	4.835.617.188	4.835.617.188
---	---	---	---	---------------	---------------

**Tổng nợ phải trả**

<b>117.885.230.423</b>	<b>-</b>	<b>141.705.299.490</b>	<b>-</b>	<b>4.835.617.188</b>	<b>264.426.147.101</b>
------------------------	----------	------------------------	----------	----------------------	------------------------

**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Tất cả hoạt động của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**31. Các cam kết**

***Cam kết thuê***

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	16.341.873.150	15.500.248.641
Từ hai đến năm năm	12.395.528.195	16.673.818.290
	<hr/>	<hr/>
	<b>28.737.401.345</b>	<b>32.174.066.931</b>

**32. Số liệu so sánh**

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện hành. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước và sau khi được phân loại lại như sau:

***Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

	<b>Giai đoạn sáu tháng</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng</b>
	<b>từ 1/1/2012 đến</b>	<b>từ 1/1/2011 đến</b>
	<b>30/6/2012</b>	<b>30/6/2011</b>
	<b>(được phân</b>	<b>(được báo cáo</b>
	<b>loại lại)</b>	<b>trước đây)</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí hoạt động kinh doanh	47.126.788.320	51.071.279.057
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.952.626.146	15.008.135.409

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**33. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ**

Các hoạt động của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ ngoại trừ những khoản mục sau:

**(a) Thưởng cho nhân viên**

Công ty chưa ghi nhận các khoản tiền thưởng cuối năm vì khoản tiền thưởng này không thể ước tính một cách đáng tin cậy tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

**(b) Thuế**

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán tại thời điểm cuối năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp giữa niên độ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất 25% đối với lỗ trước thuế giữa niên độ.

**(c) Quỹ dự trữ pháp định**

Công ty được yêu cầu trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần và quỹ dự phòng tài chính hàng năm. Công ty chưa trích lập các quỹ dự trữ pháp định này vì Công ty phát sinh lỗ trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

**(d) Cổ tức**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty chưa công bố chia cổ tức. Kế hoạch công bố cổ tức, nếu có, sẽ được thông báo vào nửa cuối năm sau.

**34. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 16 tháng 7 năm 2012 đã thông qua việc lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản về phương án tăng vốn cổ phần của Công ty thêm 55.000.000.000 VND.

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy  
Kế toán trưởng

Người Quyết:

Ông Lê Đăng Tao  
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 8 năm 2012